Cảnh giác với hiện tượng mượn danh dân chủ để che giấu hội chứng sợ cái mới

Beware of invoking democracy to conceal neophobia

TS. LƯƠNG NGỌC VĨNH
Học viện Báo chí và Tuyên truyền; Email: luongvinhhvhc@gmail.com

Ngày nhận bài: 31/05/2026 Ngày phản biện: 06/06/2026 Ngày chấp nhận đăng: 20/10/2026
Chủ đề của bài viết thuộc lĩnh vực: Lý luận chính trị

Tóm tắt: *Bước vào kỷ nguyên phát triển mới, Đảng và Nhà nước ta đã và đang tiến hành nhiều quyết sách đột phá, mang tính bước ngoặt, nhất là việc sắp xếp lại địa giới hành chính, hệ thống chính trị và các cơ quan, đơn vị sự nghiệp công lập. Bên cạnh sự đồng tình ủng hộ của đại đa số cán bộ và quần chúng nhân dân, xuất hiện một số cá nhân mượn danh dân chủ công khai bày tỏ sự lo lắng, bi quan, bất mãn trước sự thay đổi đó, thực chất là để che đậy hội chứng sợ cái mới (Neophobia). Hành động này gây phân tâm trong xã hội, ảnh hưởng đến niềm tin và sự đồng thuận xã hội đối với các quyết sách của Đảng và Nhà nước. Bài viết phân tích khía cạnh tâm lý, vạch trần sự mượn danh dân chủ để che giấu hội chứng sợ cái mới và đề xuất các giải pháp khắc phục hiện tượng này.*
Từ khóa: *Dân chủ; hội chứng sợ cái mới; tinh gọn bộ máy; kỷ nguyên vươn mình.*

Abstract: *As Vietnam enters a new era of development, the Party and the State have been implementing numerous breakthrough and transformative policy decisions, particularly those involving the reorganization of administrative boundaries, the political system, and public service agencies and institutions. Alongside the support of the vast majority of officials and the public, some individuals have invoked democracy to publicly express anxiety, pessimism, and dissatisfaction with these changes, which the article interprets as an attempt to conceal neophobia, or fear of the new. Such actions may create social divisions and undermine public trust and consensus regarding the policy decisions of the Party and the State. This article analyzes the psychological dimensions of the phenomenon, examines the invocation of democracy to conceal neophobia, and proposes measures to address it.*
Keywords: *democracy, neophobia, streamlining the organizational apparatus, the era of national resurgence.*

1. Đặt vấn đề

Bước vào kỷ nguyên vươn mình của dân tộc, việc sắp xếp lại bộ máy, tinh gọn địa giới hành chính hay tái cấu trúc các cơ quan, đơn vị sự nghiệp công lập không đơn thuần là những điều chỉnh kỹ thuật, mà là một cuộc cách mạng về tổ chức mang tính tất yếu khách quan. Tuy nhiên, mọi cuộc cách mạng đều phải đối mặt với sức trì trệ của tư duy cũ. Hiện nay, một hiện tượng tâm lý - xã hội phức tạp đang nổi lên, đó là sự đan xen giữa quyền thực hành dân chủ và hội chứng sợ cái mới.

Trong quá trình thực hiện các quyết sách mới của Đảng và Nhà nước, bên cạnh những ý kiến đóng góp tâm huyết, đã xuất hiện một bộ phận cá nhân bày tỏ sự hoang mang, bất mãn trước những thay đổi lớn. Trên một số diễn đàn, một số ý kiến nhân danh "quyền dân chủ" và "nguyện vọng nhân dân" để phản đối các chủ trương như: sáp nhập tỉnh, xã, bỏ cấp huyện, sắp xếp cơ quan báo chí, đơn vị sự nghiệp công lập. Bổ sung cho các góc nhìn tâm lý học tổ chức, ẩn sau một số phản đối mang vỏ bọc dân chủ có thể là tâm lý lo ngại sự xáo trộn lợi ích, sợ mất đi "vùng an toàn" và sự bám víu vào những thói quen hành chính cũ kỹ.

Hội chứng sợ cái mới và sự biến tướng của nó dưới danh nghĩa dân chủ là một giao điểm phức tạp giữa tâm lý học tổ chức và khoa học chính trị. Trong đó, *Hội chứng sợ cái mới* là trạng thái tâm lý lo âu, e sợ bất kỳ

sự đổi mới hay khác biệt nào so với trạng thái quen thuộc; *Sự kháng cự đối với thay đổi* (*Resistance to Change*) là hành vi phản đối cụ thể xuất phát từ đánh giá rủi ro hoặc đe dọa đến lợi ích. Khi Neophobia không được giải tỏa, nó dễ chuyển hóa thành hành vi kháng cự tiêu cực. Theo các nghiên cứu của Shaul Oreg và cộng sự (2013), sự kháng cự đối với thay đổi không thuần túy là sự bảo thủ, mà là hệ quả của các cơ chế phòng vệ tâm lý khi cá nhân đối mặt với sự đe dọa về lợi ích, địa vị và "vùng an toàn". Rick Maurer (2010) chỉ ra rằng khi niềm tin vào hệ thống bị lung lay, cá nhân sẽ chuyển từ lo âu sang phản kháng. Trong khu vực công, Ahmad và Cheng (2018) khẳng định rằng cam kết thay đổi của cán bộ phụ thuộc chặt chẽ vào quy trình lãnh đạo và tính minh bạch của thông tin.

Tại Việt Nam, các nghiên cứu lý luận chính trị phản ánh việc một bộ phận cá nhân có biểu hiện lợi dụng quyền tự do ngôn luận để che đậy chủ nghĩa cá nhân và lợi ích cục bộ. Trần Đức Tiến và Lưu Mạnh Hùng (2022) cảnh báo đây có thể trở thành mảnh đất cho các đối tượng cơ hội chính trị móc nối, rêu rao là "đại diện của người dân" nhằm chống phá chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước.

Tổng hợp các nghiên cứu cho thấy, việc lợi dụng danh nghĩa dân chủ để che đậy tâm lý sợ cái mới có thể tạo ra lực cản chính trị, tư tưởng tinh vi. Việc không phân định rõ ranh giới giữa phản biện khoa học, kiến nghị chính đáng và hành vi mượn danh dân chủ để bảo vệ lợi ích cá nhân sẽ gây nhiễu loạn nhận thức xã hội, ảnh hưởng tiến trình hiện đại hóa nền quản trị quốc gia. Vì vậy, việc nhận diện vấn đề dưới góc độ khoa học chính trị và tâm lý hành vi là chìa khóa để giải phóng tư tưởng, tạo sự đồng thuận thực chất cho đất nước phát triển.

2. Phương pháp nghiên cứu

Để thực hiện đề tài này một cách khoa học và khách quan, bài viết sử dụng hệ phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng và duy vật lịch sử làm nền tảng xuyên suốt. Các phương pháp nghiên cứu cụ thể bao gồm:

Phương pháp phân tích và tổng hợp lý thuyết: Được sử dụng để hệ thống hóa các khái niệm về "dân chủ", "phản biện chính sách", "hội chứng sợ cái mới" và "kháng cự đối với thay đổi" từ các công trình nghiên cứu của Oreg, Maurer, Ahmad & Cheng.

Phương pháp phân tích văn bản: Tập trung nghiên cứu các văn kiện Đại hội XIII, XIV, Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII, Quy định 19-QĐ/TW, Nghị quyết 25-NQ/TW của Bộ Chính trị và các quy định pháp luật liên quan để làm rõ ranh giới pháp lý, chính trị trong thực hành dân chủ và trách nhiệm công vụ của cán bộ, đảng viên.

Phương pháp so sánh, đối chiếu: Sử dụng để xây dựng bộ tiêu chí phân định giữa phản biện chính sách kiến tạo, ý kiến băn khoăn chính đáng với hành vi mượn danh dân chủ dựa trên lợi ích cục bộ.

Cách tiếp cận liên ngành giữa chính trị học, tâm lý học tổ chức và khoa học quản trị giúp bài viết có cái nhìn toàn diện và đề xuất các giải pháp mang tính khả thi.

3. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

3.1. Nhận diện hiện tượng mượn danh dân chủ và tâm lý sợ cái mới

Trong tiến trình vận động của lịch sử, cái mới luôn mang theo sứ mệnh phủ định những gì đã lỗi thời và luôn đứng trước thách thức từ quán tính của tư duy cũ. Tâm lý sợ cái mới nếu không được nhận diện và điều chỉnh sẽ có nguy cơ biến tướng thành lực cản tư tưởng. Những cá nhân mắc hội chứng này thường có xu hướng tuyệt đối hóa những giá trị cũ, coi sự ổn định cơ học là bất biến, từ đó nảy sinh tâm lý lo âu trước những thay đổi về tổ chức, bộ máy.

Biểu hiện thường gặp là việc sử dụng các diễn đàn công luận hoặc hội nghị lấy ý kiến không phải để đóng góp giải pháp tối ưu cho việc sắp xếp địa giới hành chính hay tinh gọn bộ máy, mà chủ yếu xoáy sâu vào những khó khăn mang tính nhất thời, khuếch đại xáo trộn về thủ tục hay tâm lý. Một số ý kiến mượn danh tiếng nói nhân dân hay tâm tư cơ sở để phủ nhận tính đúng đắn của chủ trương lớn, vô hình trung biến việc góp ý thành phương tiện bảo vệ "vùng an toàn" của cá nhân hoặc nhóm lợi ích.

Hiện tượng này cũng thể hiện qua lối tư duy hoài cổ chưa phù hợp. Một số cá nhân gắn ghép các yếu tố truyền thống, lịch sử vào đơn vị hành chính cũ một cách gượng ép nhằm trì hoãn việc sáp nhập, bỏ cấp huyện hay sắp xếp bộ máy. Dù yếu tố lịch sử - văn hóa là rất quan trọng và cần được cân nhắc cẩn trọng, việc tuyệt đối hóa nó để bác bỏ các yêu cầu nâng cao hiệu năng quản trị và tinh giản biên chế có thể làm chậm tiến trình đổi mới.

Xét về bản chất, đây là sự xung đột giữa lợi ích cá nhân, lợi ích nhóm với lợi ích chung của toàn xã hội. Khi các quyết sách đòi hỏi sự thay đổi thói quen và thích

ứng cao độ, nếu thiếu bản lĩnh chính trị, cá nhân dễ nảy sinh tâm lý phản vệ. Do đó, việc nhận diện đúng bản chất tâm lý và hành vi là bước đầu tiên để giải phóng tư tưởng, tạo sự đồng thuận thực chất.

3.2. Các tiêu chí phân định giữa phản biện chính sách chính đáng và "mượn danh dân chủ"

Dân chủ xã hội chủ nghĩa, như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng khẳng định: *"Dân chủ tức là làm cho dân được mở miệng ra"* (Hồ Chí Minh, 2011, T.5), nhưng *"làm chủ sao cho ra làm chủ, không phải làm chủ là muốn ăn bao nhiêu thì ăn, làm bao nhiêu thì làm"* (Hồ Chí Minh, 2002, T.10). Để tránh việc quy chụp cực đoan hoặc đồng nhất mọi ý kiến băn khoăn, phản đối chính sách với "sợ cái mới" hay "cơ hội chính trị", cần xây dựng bộ tiêu chí phân định khoa học dựa trên các phương diện sau:

Sự phân định này giúp nhận diện rõ: phản biện chân chính là để mở đường cho cái mới phát triển đúng hướng, còn việc lợi dụng danh nghĩa dân chủ là để níu giữ cái cũ lỗi thời. Khoản 2, Điều 11, Quy định 19-QĐ/TW ngày 08/4/2026 của Ban Chấp hành Trung ương đã nêu rõ yêu cầu cán bộ, đảng viên: *"Không bày tỏ cảm xúc, thái độ trái với định hướng chính trị; không chia sẻ, bình luận thông tin đi ngược với đường lối, chủ trương của Đảng, Nhà nước, thông tin chưa kiểm chứng, sai sự thật"* (Ban Chấp hành Trung ương, 2026). Dân chủ phải là động lực của đổi mới, gắn liền với kỷ cương và trách nhiệm pháp lý.

3.3. Nguyên nhân của hiện tượng mượn danh dân chủ để che đậy hội chứng sợ cái mới

Hiện tượng mượn danh dân chủ để che đậy hội chứng sợ cái mới xuất phát từ các nhóm nguyên nhân cơ bản sau:

Phương diện phân định	Phản biện chính sách chính đáng / Ý kiến băn khoăn	Hành vi "Mượn danh dân chủ" / Che đậy Neophobia
1. Mục đích	Hướng tới hoàn thiện chính sách, vì lợi ích chung và hiệu năng quản trị quốc gia.	Nhằm bảo vệ "vùng an toàn", lợi ích cục bộ hoặc giải tỏa bất mãn cá nhân.
2. Căn cứ lập luận	Dựa trên cơ sở khoa học, dữ liệu thực tiễn và tinh thần xây dựng.	Dựa trên cảm tính, định kiến, thổi phồng khó khăn nhất thời hoặc suy diễn.
3. Phương thức thể hiện	Qua kênh chính thức, đối thoại thẳng thắn, đúng quy chế và quy định của Đảng, pháp luật.	Phát ngôn vô trách nhiệm, lan truyền thông tin chưa kiểm chứng trên không gian mạng/vỉa hè.
4. Mức độ tuân thủ	Tôn trọng nguyên tắc tập trung dân chủ, chấp hành quyết định của tập thể sau khi đã thảo luận.	Phủ nhận nguyên tắc tổ chức, cố tình kéo dài sự tranh luận ngụy biện để trì hoãn thực hiện.
5. Hệ quả xã hội	Tạo sự thấu hiểu, tăng cường đồng thuận và tìm ra giải pháp tối ưu.	Gây hoang mang dư luận, chia rẽ nội bộ và làm xói mòn niềm tin xã hội.

Thứ nhất, từ quy luật tâm lý hành vi về "vùng an toàn": Sự thay đổi quy mô lớn luôn kích hoạt cơ chế phản vệ tự nhiên của con người. Rick Maurer (2010) nhận định rằng khi sự thay đổi đe dọa đến trạng thái quen thuộc, cá nhân có xu hướng kháng cự dưới nhiều hình thức từ thụ động đến công khai phản đối. Việc sáp nhập hay tinh gọn bộ máy làm xáo trộn thói quen công tác, đòi hỏi sự nỗ lực thích ứng mới, khiến một số cá nhân vô thức chuyển hóa sự lo âu thành lập luận chống đỡ.

Thứ hai, tác động từ tư duy lợi ích cục bộ. Trong quản trị công, khi chính sách tinh gọn bộ máy chạm đến quyền lợi hoặc vị trí việc làm, tư duy lợi ích nhóm/cục bộ có thể phát tác. Như V.I. Lênin từng cảnh báo về sức mạnh của thói quen và tư duy bảo thủ là lực cản rất lớn đối với cái mới. Khi không thể công khai bảo vệ lợi ích riêng, cá nhân dễ chọn cách khoác lên đó vỏ bọc "nguyện vọng nhân dân" để gây áp lực trì hoãn. V.I. Lênin từng chỉ ra rằng, việc lạm dụng "tự do phê bình" không dựa trên lập trường cách mạng thực chất là đưa những tư duy bảo thủ vào hệ thống (V.I. Lênin, 1980, T.6).

Thứ ba, sự thiếu hụt bản lĩnh chính trị và năng lực thích ứng. Một bộ phận cán bộ có tâm lý ngại đổi mới, lo sợ năng lực hạn chế của mình sẽ bị bộc lộ trước các tiêu chuẩn quản trị hiện đại và chuyển đổi số. Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII đã thẳng thắn chỉ ra biểu hiện suy thoái: *"Nói và viết không đúng với quan điểm, đường lối của Đảng... nói trong hội nghị khác, nói ngoài hội nghị khác"* (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2016).

Thứ tư, những hạn chế trong công tác thông tin, truyền thông chính sách. Khi việc triển khai chính sách ở một số nơi thiếu sự giải trình minh bạch hoặc lộ trình cụ thể, nó vô tình tạo ra "khoảng trống thông tin". Điều này khiến các tin đồn vô căn cứ có cơ hội lan truyền, làm ranh giới giữa phản biện chính đáng và sự hoang mang do sợ cái mới bị nhòe đi.

3.4. Tác hại đối với tiến trình đổi mới và quản trị quốc gia

Việc lợi dụng danh nghĩa dân chủ để cản trở cái mới gây ra nhiều hệ lụy cho sự phát triển. Các tranh luận ngụy biện làm lãng phí thời gian và nguồn lực, khiến hệ thống bỏ lỡ thời cơ vàng để bứt phá, làm chậm tiến độ và giảm hiệu lực của các quyết sách. Khi những luồng ý kiến tiêu cực, hoài cổ được lan truyền thiếu kiểm soát, người dân dễ bị hoang mang, làm suy giảm sự đồng thuận xã hội. Các biểu hiện bất mãn, bất đồng tư tưởng nếu không được giải quyết tốt sẽ bị các đối tượng xấu khai thác để xuyên tạc tình hình nội bộ. Nguyễn Đức Tiến và Lưu Mạnh Hùng (2022) nhận định

rằng các đối tượng cơ hội có thể lợi dụng điều này để gắn mác "ngụy trang" dưới danh nghĩa các tổ chức xã hội nhằm chống phá. Nếu sự trì trệ được lấp liếm bằng lý sự ngụy biện, các nhân tố đổi mới sáng tạo sẽ bị kìm hãm, dẫn đến nguy cơ xơ cứng bộ máy tạo môi trường dung dưỡng văn hóa bảo thủ trong khu vực công.

3.5. Giải pháp khắc phục hiện tượng mượn danh dân chủ để che đậy hội chứng sợ cái mới

3.5.1. Ứng xử khoa học và nhân văn đối với hội chứng sợ cái mới

Cần thấu hiểu rằng sự lo âu trước thay đổi là phản ứng tâm lý tự nhiên. Giải pháp đầu tiên là phải tăng cường đối thoại, công tác tư tưởng phải đi trước để giải tỏa xung đột nội tâm, hỗ trợ đào tạo lại và bố trí công tác hợp lý. Tuy nhiên, sự thông cảm tâm lý không đồng nghĩa với sự thỏa hiệp hay dung dưỡng cho thái độ trì trệ. Cần kiên định nguyên tắc phát triển, đặt lợi ích chung của đất nước lên trên sự an thân của cá nhân.

3.5.2. Đẩy mạnh giáo dục chính trị, tư tưởng theo tinh thần Đại hội XIV của Đảng

Quán triệt tinh thần Văn kiện Đại hội XIV về xây dựng đội ngũ cán bộ có tầm nhìn chiến lược, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung. Công tác tuyên truyền phải làm rõ việc sắp xếp bộ máy là để tạo không gian phát triển mới chứ không thuần túy là cắt giảm cơ học. Khơi dậy khát vọng cống hiến, đề cao trách nhiệm nêu gương của người đứng đầu. Người lãnh đạo phải đi đầu bước ra khỏi "vùng an toàn" để lan tỏa sinh khí đổi mới trong toàn hệ thống.

3.5.3. Hoàn thiện cơ chế dân chủ trực tiếp và minh bạch hóa quá trình thực thi chính sách

Nghiên cứu hoàn thiện quy chế dân chủ ở cơ sở, mở rộng các kênh phản biện chính thống, minh bạch và có trách nhiệm giải trình cao. Ứng dụng chuyển đổi số để thu thập ý kiến đóng góp khách quan. Khi các phương án sắp xếp bộ máy được công khai minh bạch, có lộ trình rõ ràng, không gian cho sự đồn đoán và ngụy biện sẽ bị thu hẹp. Đồng thời, xử lý nghiêm các hành vi cố tình lợi dụng dân chủ để kích động, vi phạm kỷ luật phát ngôn.

3.5.4. Thực thi cơ chế bảo vệ cán bộ đổi mới và kiên quyết sàng lọc cán bộ bảo thủ, suy thoái

Triển khai hiệu quả Kết luận 14-KL/TW của Bộ Chính trị và các thể chế hóa pháp luật nhằm bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo, dám đột phá vì lợi ích chung. Đồng thời, kiên quyết đưa ra khỏi bộ máy hoặc thay thế những cá nhân bảo thủ, cố tình lợi dụng dân chủ để kéo lùi sự phát triển. Thực hiện nghiêm Quy định 19-QĐ/TW về công tác chính trị, tư tưởng trong Đảng, coi việc đấu tranh chống hội chứng sợ cái mới và ngụy biện dân chủ là một nội dung quan trọng trong phòng, chống tiêu cực, lãng phí cơ hội phát triển.

4. Kết luận

Dân chủ chân chính luôn đi đôi với trách nhiệm và sự dũng cảm đối diện với thay đổi. Việc bóc tách giữa phản biện khoa học chính đáng và hiện tượng mượn danh dân chủ để che đậy hội chứng sợ cái mới giúp bảo vệ các nhân tố tích cực, củng cố niềm tin của nhân dân vào các quyết sách của Đảng và Nhà nước.

Cuộc cách mạng về tổ chức bộ máy đòi hỏi mỗi cán bộ, đảng viên phải vượt qua sự an thân cá nhân để hướng tới lợi ích chung của dân tộc. Một hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả chính là minh chứng sinh động nhất của một nền dân chủ thực chất, do nhân dân và vì nhân dân. /.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ahmad, A. B., & Cheng, Z. (2018). The Role of Change Content, Context, Process, and Leadership in Understanding Employees' Commitment to Change: The Case of Public Organizations in Kurdistan Region of Iraq. *Public Personnel Management*, 47(2), 195-216. https://doi.org/10.1177/0091026017753645.

2. Ban Chấp hành Trung ương. (2026). *Quy định số 19-QĐ/TW ngày 08/4/2026 về công tác chính trị, tư tưởng trong Đảng*. Tư liệu Văn kiện Đảng. https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/van-ban-cua-dang/quy-dinh-so-19-qd-tw-ngay-08-4-2026-cua-ban-chap-hanh-trung-uong-dang-19-qd-tw-ve-cong-tac-chinh-tri-tu-tuong-trong-dang.html?categoryId=102000092.

3. Đảng Cộng sản Việt Nam. (2016). *Văn kiện Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương khóa XII*. Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật.

4. Hồ Chí Minh. (2002). *Toàn tập* (Tập 10). Nxb. Chính trị quốc gia.

5. Hồ Chí Minh. (2011). *Toàn tập* (Tập 5 và Tập 13). Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật.

6. Lênin, V. I. (1980). *Toàn tập* (Tập 6). Nxb. Tiến bộ.

7. Maurer, R. (2010). *Beyond the Wall of Resistance: Unconventional Strategies that Build Support for Change*. Bard Press. https://rickmaurer.com/articles/resistance-to-change-why-it-matters/.

8. Oreg, S., Michel, A., & By, R. T. (Eds.). (2013). *The Psychology of Organizational Change: Viewing Change from the Employee's Perspective*. Cambridge University Press.

9.Trần Đức Tiến, & Lưu Mạnh Hùng. (2022). Bộ mặt mới của chiến lược "diễn biến hòa bình" trong cục diện thế giới hiện nay. *Tạp chí Cộng sản*. https://www.tapchicongsan.org.vn/web/guest/dau-tranh-phan-bac-cac-luan-dieu-sai-trai-thu-dich/chi-tiet/-/asset_publisher/YqSB2JpnYto9/content/bo-mat-moi-cua-chien-luoc-dien-bien-hoa-binh-trong-cuc-dien-the-gioi-hien-nay.